

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2018

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà: Hồ Thị Ngọc Diễm
 2. Bà: Phạm Thị Em
- *T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Quăng Thị D**, sinh năm 1989.

+ Bị đơn: **Nguyễn Anh H**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, C, tỉnh Bến Tre.

Cùng tạm trú: ấp D, xã E, huyện N, tỉnh Bến

Tre.

Tại phiên tòa, chị D có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Quăng Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau kết hôn chị và anh H làm ăn và sinh sống tại xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm với gia đình và có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh H không sửa đổi, anh H đi sớm về khuya không quan tâm đến gia đình. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H ngày càng phai nhạt nên vào tháng 02/2018 chị làm đơn xin ly hôn với anh H tại Tòa án. Sau đó, chị đã rút đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết nhằm tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng nghiêm trọng hơn nên chị và anh H đã ly thân đến nay đã được 08 tháng. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 06/10/2007 và Nguyễn Ngọc Hiếu T, sinh ngày 20/7/2009 hiện đang sống với chị, chị xin tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Anh H vắng mặt tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Quăng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với bị đơn là anh Nguyễn Anh H, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định.

Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho anh Nguyễn Anh H để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thấy, chị Quăng Thị D và anh Nguyễn Anh H kết hôn vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chỉ lo sống cho bản thân không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị và anh H không sống chung đến nay khoảng 08 tháng. Nay, chị khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị D và từ chối việc cung cấp chứng cứ cho Tòa án theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh H.

[3] Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 06/10/2007 và Nguyễn Ngọc H T, sinh ngày 20/7/2009. Hiện nay, các cháu đang sống với chị D. Chị D xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Qua xác minh ở địa phương nơi chị D và anh H sinh sống cho thấy, chị D vẫn đang đảm nhiệm việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cả 02 con đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của các con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con (mặc dù Tòa đã giải thích nhưng chị D vẫn không yêu cầu). Xét đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Quãng Thị D đối với anh Nguyễn Anh H.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Quãng Thị D và anh Nguyễn Anh H được ly hôn.

+ Về con chung: Chị Quãng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 06/10/2007 và Nguyễn Ngọc H T, sinh ngày 20/7/2009 cho đến khi cháu T và cháu T tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí: Chị D phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015894 ngày 18/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TAND T. Bến Tre;*
- *VKS H. Châu Thành;*
- *THADS H. Châu Thành;*
- *UBND xã;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng

